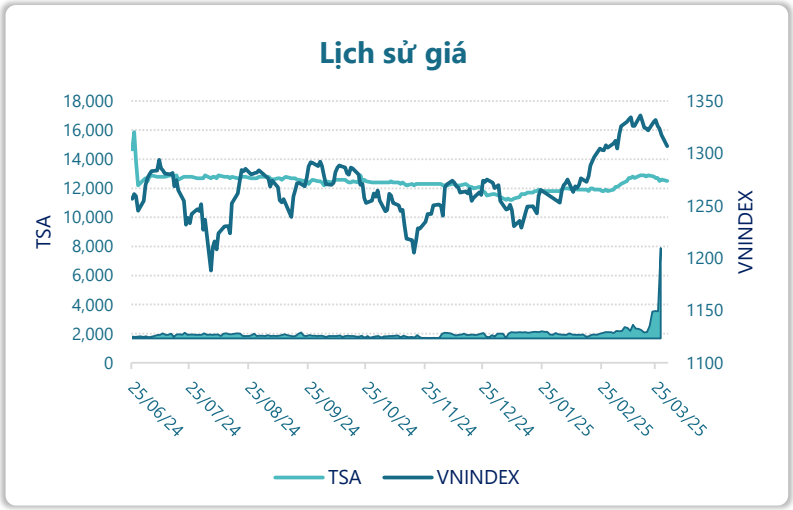
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (UPCOM: TSA)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,862
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
SL cổ phiếu LH	38,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,850
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	481
P/E	19.3
EPS	649

DT thuần

Q1/25

75.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼240| -76.0%

YoY: ▲ 5.90| 8.5%

LN sau thuế

Q1/25

3.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.3| -76.5%

YoY: ▲ 1.26| 67.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.2%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

653

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 284| 76.8%

LN sau thuế

2024

23.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.5| 135%

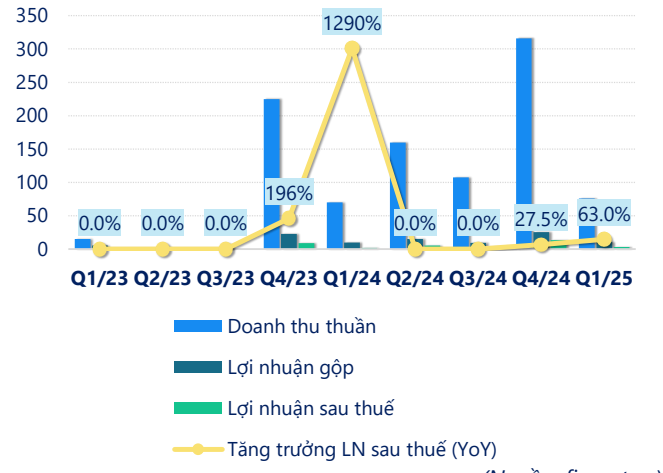
ROE

2024

6.1%

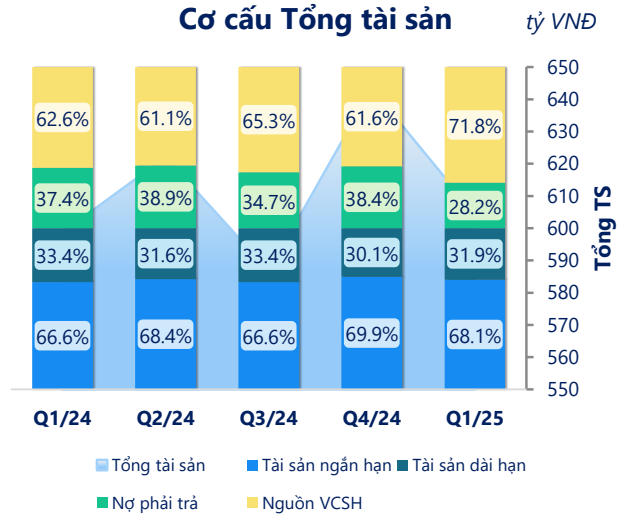
+/- YoY: ▲ 3.4%

Kết quả kinh doanh



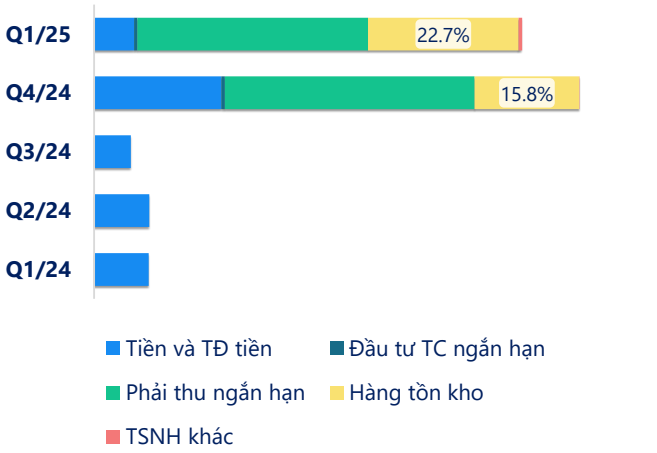
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



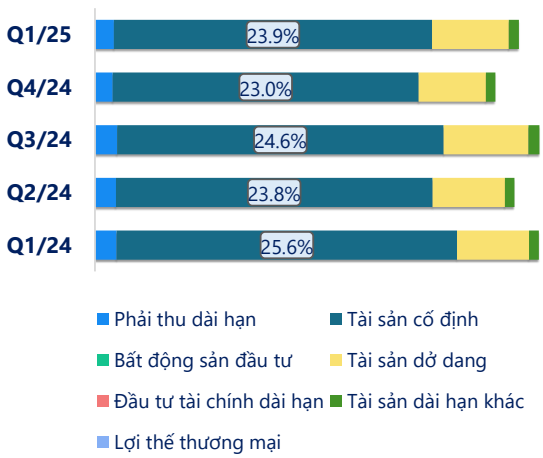
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



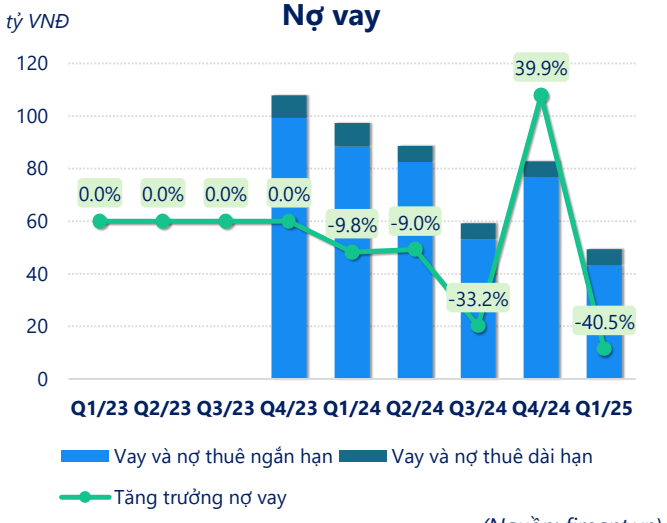
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



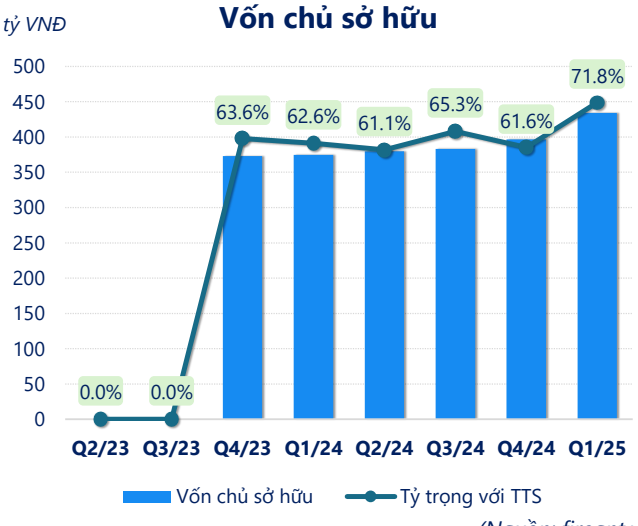
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



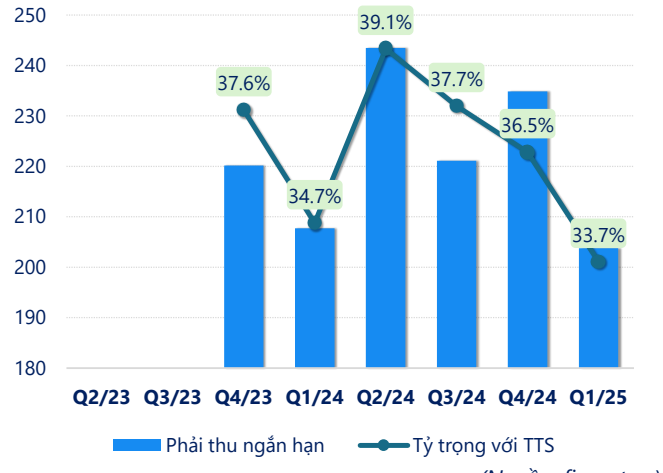
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



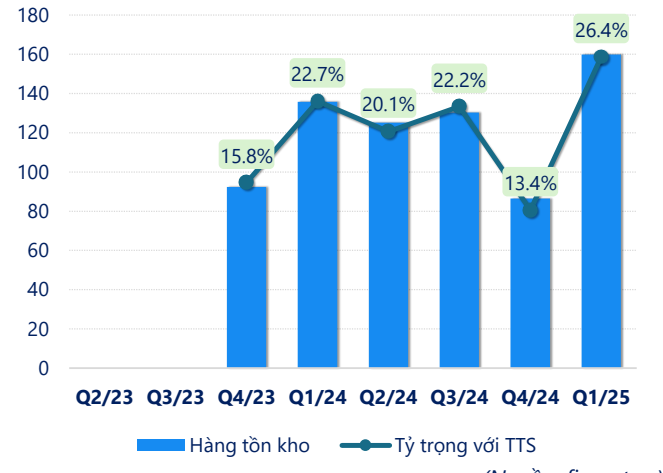
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



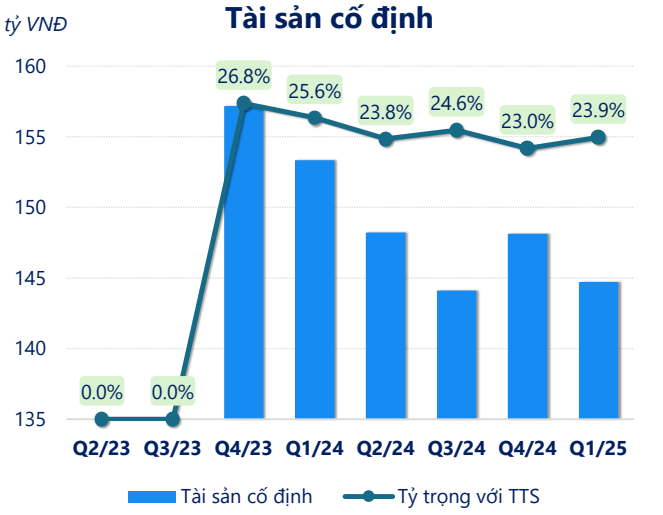
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



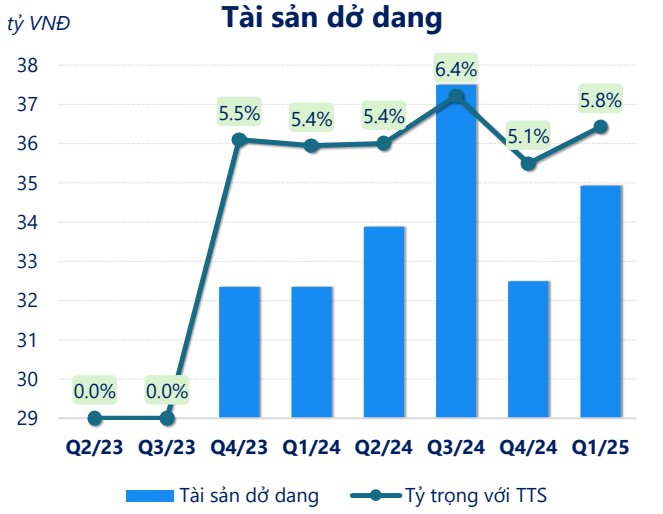
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



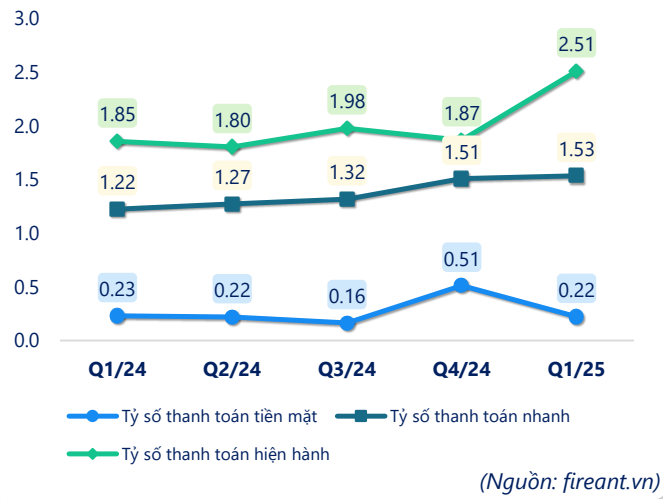
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



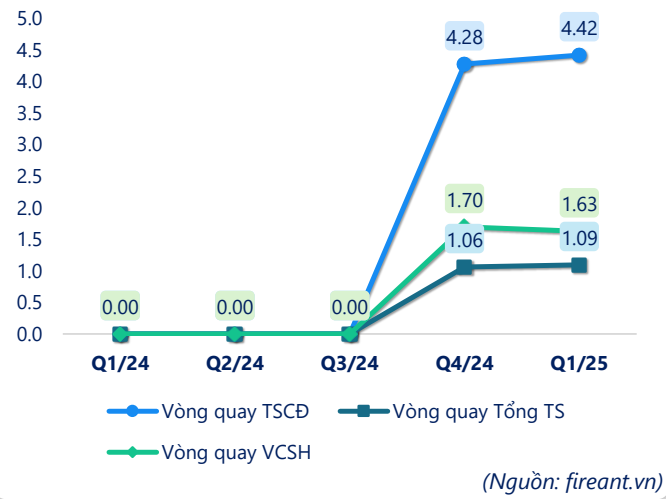
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**599**	**622**	**587**	**643**	**604**
Tài sản ngắn hạn	**399**	**426**	**391**	**450**	**412**
Tiền và tương đương tiền	49.2	51.6	32.3	123	36.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.01	3.04	3.04	3.14	3.14
Phải thu ngắn hạn	208	243	221	235	204
Hàng tồn kho	136	125	130	86.4	160
Tài sản ngắn hạn khác	3.10	2.52	3.76	1.89	8.56
Tài sản dài hạn	**200**	**196**	**196**	**194**	**193**
Phải thu dài hạn	9.77	9.77	9.77	8.57	8.57
Tài sản cố định	153	148	144	148	145
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.3	33.9	37.5	32.5	34.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.46	4.51	4.77	4.65	4.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**224**	**242**	**204**	**247**	**170**
Nợ ngắn hạn	**215**	**236**	**198**	**241**	**164**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	88.4	82.5	53.1	76.7	43.2
Phải trả người bán ngắn hạn	40.8	58.1	62.7	128	75.2
Nợ dài hạn	9.00	6.12	6.12	6.12	6.12
Vay và nợ thuê dài hạn	9.00	6.12	6.12	6.12	6.12
Nguồn vốn chủ sở hữu	**375**	**380**	**383**	**396**	**434**
Vốn chủ sở hữu	**375**	**380**	**383**	**396**	**434**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	385
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)